

Tóm tắt nội dung chính

Báo cáo hàng tháng tóm tắt những quan sát và phân tích của chúng tôi về những diễn biến chính trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Dưới đây là tiêu điểm trong tháng dành cho tổ chức phát hành (TCPH) và nhà đầu tư TPDN.

Tháng 7/2024, chúng tôi quan sát được tổng giá trị gốc các trái phiếu phát sinh mới chậm trả trong kỳ là 1.24 nghìn tỷ đồng, với hai TCPH lần đầu vi phạm chậm trả. Tỷ lệ trái phiếu chậm trả lũy kế giảm xuống mức 15.1% so với 15.6% tháng trước, chủ yếu do tổng giá trị trái phiếu lưu hành tăng lên. Trái phiếu phát hành mới tháng 7/2024 đạt 42.8 nghìn tỷ đồng, tổng phát hành mới tính từ đầu năm 2024 đạt 202.4 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp (giá trị giao dịch/tổng giá trị lưu hành) giảm nhẹ xuống mức 7% trong tháng 7/2024 từ mức 8% trong tháng trước.

Hình 1: Những xu hướng chính trong tháng 7/2024

TIÊU ĐIỂM	XU HƯỚNG	NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT
 Chậm trả gốc/lãi phát sinh mới	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Tổng giá trị trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 07/2024 là 1.24 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với tháng 06/2024 (2.2 nghìn tỷ đồng). Tổng giá trị trái phiếu chậm trả phát sinh mới từ đầu năm tới nay là 12.2 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 7/2024 là 15.1%, giảm so với mức 15.6% vào tháng 6/2024.
 Tái cấu trúc trái phiếu chậm trả	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> Trong tháng 7/2024, có 5 TCPH đã thanh toán một phần dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 1.5 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ thu hồi nợ gốc chậm trả tăng 0.4% lên mức 18.5% nhờ sự cải thiện ở các nhóm ngành Dịch vụ, Bất động sản dân cư và Xây dựng.
 Trái phiếu sắp đáo hạn có rủi ro cao	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> Chúng tôi ước tính trong số 18.6 nghìn tỷ đồng lượng trái phiếu đáo hạn trong tháng 7/2024, khoảng 7.3 nghìn tỷ đồng trái phiếu có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn. Trong 12 tháng tới, chúng tôi ước tính 20% trong số 259 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn là những trái phiếu có rủi ro cao chậm trả nợ gốc đến hạn.
 Phát hành mới	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Lượng phát hành mới trong tháng 7/2024 đạt 42.8 nghìn tỷ đồng, giảm so với mức 82.4 nghìn tỷ phát hành mới trong tháng 6/2024. Trong số 202.4 nghìn tỷ đồng phát hành mới từ đầu năm đến nay, 70% trong số đó được phát hành bởi khối Ngân hàng.
 Thị trường thứ cấp	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ xuống mức 7% trong tháng 7/2024. Lợi suất giao dịch trung bình của các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình” thay đổi không đáng kể so với tháng trước ở các kỳ hạn.

Nguồn: Vietnam Investors Service

LIÊN HỆ

Nguyễn Lý Thanh Lương, CFA, ACCA, FVMA
Trưởng nhóm phân tích
luong.nguyen@visrating.com

Trần Quốc Thắng, MBA
Chuyên viên phân tích
thang.tran@visrating.com

Nguyễn Đình Duy, CFA
Giám đốc –
Chuyên gia phân tích cao cấp
duy.nguyen@visrating.com

Simon Chen, CFA
Giám đốc Xếp hạng và nghiên cứu
simon.chen@visrating.com



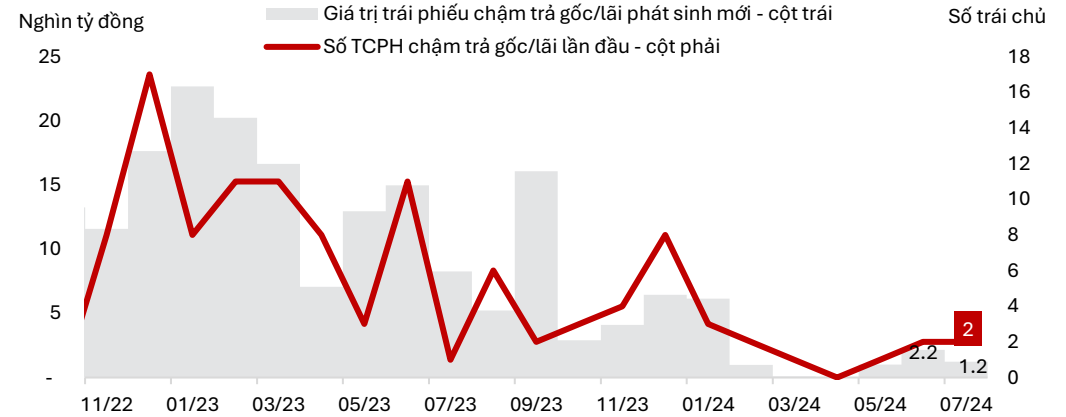
<https://visrating.com>

Chậm trả gốc/lãi phát sinh mới

Giá trị chậm trả phát sinh mới trong tháng 07/2024 ở mức 1.24 nghìn tỷ đồng, thấp hơn tháng 06/2024

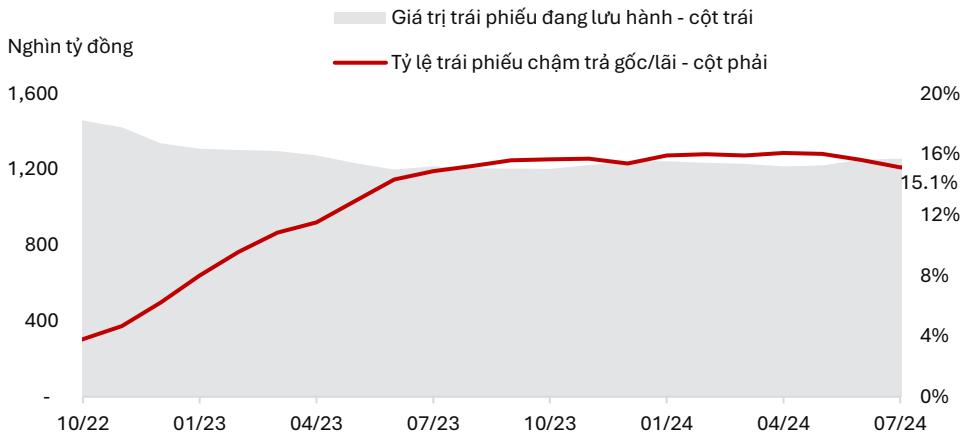
- Trong tháng 7/2024 có 5 trái phiếu công bố chậm trả lần đầu phát hành bởi CTCP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam (Sunrise), Công ty TNHH Đầu tư Big Gain và Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn với tổng giá trị TPDN lưu hành là 1.24 nghìn tỷ đồng, giá trị thấp hơn so với tháng trước. Trong đó, có Sunrise và Mặt trời Sông Hàn là hai doanh nghiệp lần đầu vi phạm chậm trả trái phiếu.
- Công ty TNHH Đầu tư Big Gain chậm trả gốc trái phiếu đến hạn là 438 tỷ đồng do chỉ trả được 562 tỷ đồng trên tổng 1000 tỷ đồng trái phiếu đến hạn vào 30/07/2024.
- CTCP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam chậm trả lần đầu cả dư nợ gốc và lãi đến hạn vào 15/07/2024. Sau đó, vào ngày 01/08/2024, công ty được trái chủ chấp thuận gia hạn thời gian đáo hạn thêm 2 năm nữa sang ngày 15/07/2026.
- Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn chậm trả dư nợ gốc 300 tỷ đồng vào ngày 04/07/2024, sau đó đã trả lại hết vào ngày 01/08/2024 và hiện không còn dư nợ trái phiếu.
- Tỷ lệ trái phiếu chậm trả toàn thị trường cuối tháng 7/2024 ở mức 15.1%, giảm so với mức 15.6% ở cuối tháng 6/2024.

Hình 2: Trái phiếu chậm trả gốc/lãi phát sinh mới theo tháng



Nguồn: Vietnam Investors Service

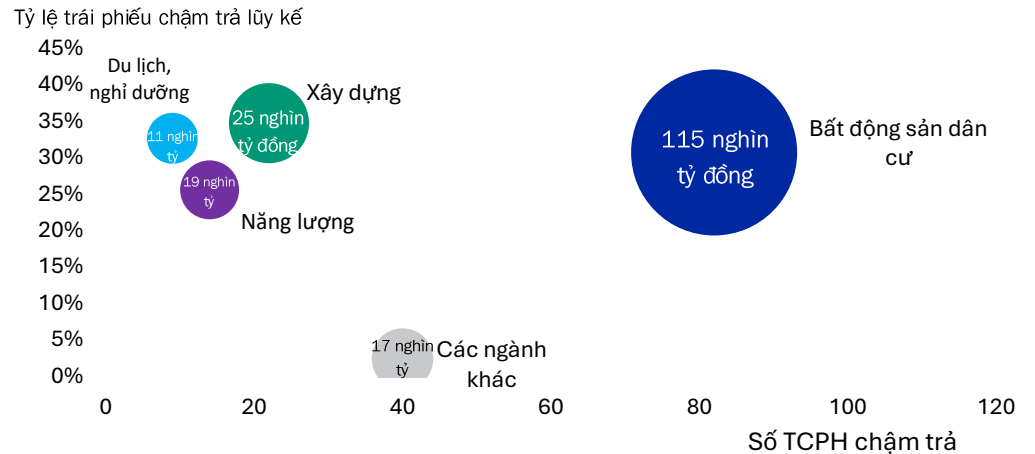
Hình 3: Tỷ lệ trái phiếu chậm trả gốc/lãi và giá trị trái phiếu đang lưu hành



* Giá trị trái phiếu đang lưu hành, bao gồm cả các trái phiếu đã từng vi phạm chậm trả và đã quá ngày đáo hạn nhưng chưa công bố hoàn thành trả đủ gốc/lãi cho trái chủ.

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 4: Lượng trái phiếu chậm trả gốc/lãi theo các nhóm ngành



* Kích thước hình tròn thể hiện quy mô giá trị mệnh giá trái phiếu chậm trả lũy kế từ tháng 4/2022

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 5: Danh sách trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 7/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo trên HNX	Chậm trả	Lần đầu TCPH chậm trả gốc/lãi	Dư nợ gốc chậm trả (tỷ đồng)	Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của TCPH (tỷ đồng)
SHRH1924011	Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Bất động sản dân cư	100	04-07-19	04-07-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	04-07-24	02-08-24	Gốc	04-07-24	100	0
SHRH1924012	Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Bất động sản dân cư	100	04-07-19	04-07-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	04-07-24	02-08-24	Gốc	04-07-24	100	0
SHRH1924013	Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Bất động sản dân cư	100	04-07-19	04-07-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	04-07-24	02-08-24	Gốc	04-07-24	100	0
SRSCH2024001	CTCP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam	Bất động sản dân cư	500	15-07-20	15-07-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 12% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4%	Ưu tiên	Tài sản	TPB	15-07-24	01-08-24	Gốc	15-07-24	500	1,000
BGICH2124002	Công ty TNHH Đầu tư Big Gain	Bất động sản dân cư	1,000	30-07-21	30-07-24	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 11% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Tài sản	KSS	30-07-24	30-07-24	Gốc	23-06-24	438	2,416

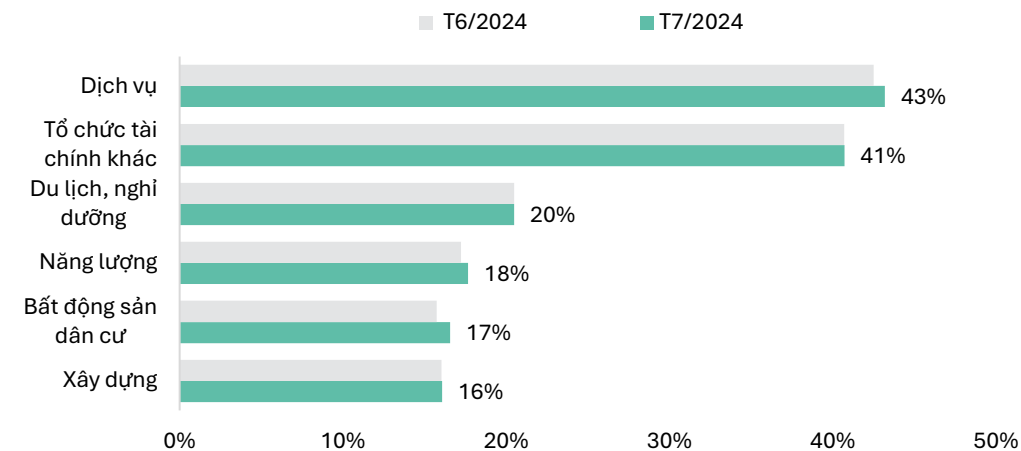
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Tái cấu trúc nợ

1.5 nghìn tỷ đồng nợ gốc trái phiếu chậm trả được thanh toán cho trái chủ trong tháng 7/2024, tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả tăng lên mức 18.5%

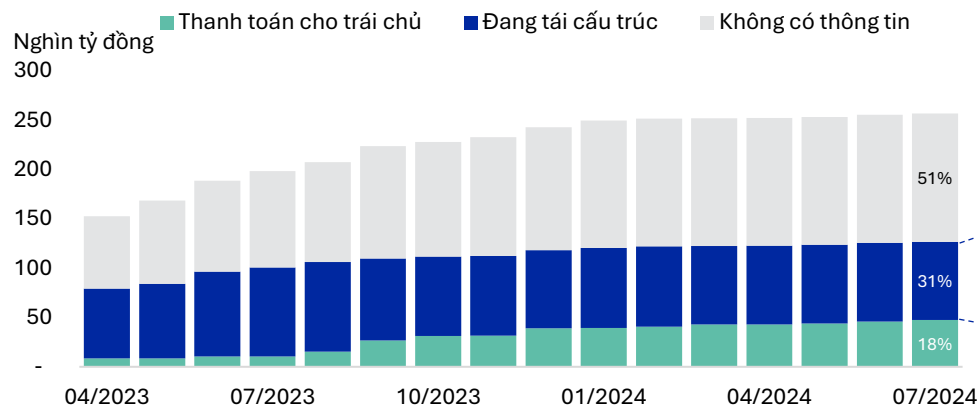
- Trong tháng 7/2024, có 5 TCPH đã thanh toán một phần dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 1.5 nghìn tỷ đồng thuộc các lĩnh vực Dịch vụ, Bất động sản dân cư và Xây dựng. Dư nợ trái phiếu còn lại của các TCPH này ở ngưỡng 2.3 nghìn tỷ đồng.
- Phần lớn giá trị hoàn trả trái phiếu chậm trả gốc, lãi trong tháng 7/2024 là của hai TCPH thuộc nhóm Bất động sản dân cư là CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn và Công ty TNHH No Va Thảo Điền.
- Sau khi hoàn trả 1 nghìn tỷ đồng dư nợ chậm trả trong tháng 07/2024, CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng thịnh Quy Nhơn vẫn còn dư nợ chậm trả khoảng 5 nghìn tỷ đồng. Hầu hết các trái phiếu đó đều đã được gia hạn từ 1 đến 2 năm nữa.
- Từ 2023 đến 07/2024, Công ty TNHH No Va Thảo Điền đã trả được 15% dư nợ trái phiếu chậm trả thông qua hình thức hoán đổi tài sản.
- Tỷ lệ thu hồi nợ tăng thêm 0.4% lên mức 18.5% ở cuối tháng 07/2024.
- Trong tháng 07/2024, một nhà cung cấp mở thủ tục phá sản đối với CTCP Đầu tư LDG. Hành động này có thể ảnh hưởng tới lợi ích của các trái chủ hiện tại của LDG. TCPH này hiện vẫn đang chậm trả một lô trái phiếu trị giá 186 tỷ đồng và chưa trả lãi coupon cho trái chủ kể từ tháng 02/2023.

Hình 6: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo nhóm ngành



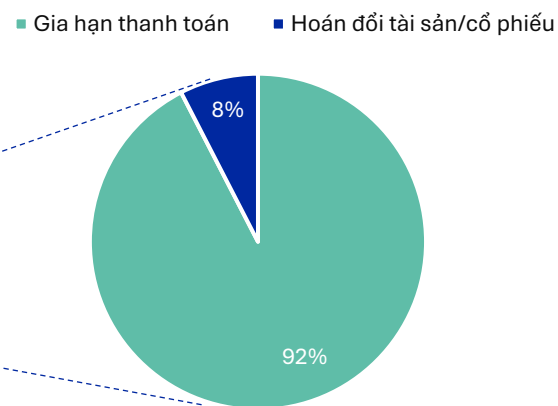
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 7: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả gốc/lãi



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 8: Tình trạng các trái phiếu đang tái cấu trúc nợ tại thời điểm cuối tháng 7/2024



Ghi chú: Chúng tôi ước tính tỷ lệ thu hồi dựa trên giá trị trái phiếu đã được trả, bao gồm cả trường hợp chỉ hoàn trả một phần tiền gốc và việc tái cơ cấu vẫn đang diễn ra sau khi TCPH chậm trả gốc/lãi

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 9: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 7/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị tái cấu trúc (tỷ đồng)	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc (tỷ đồng)
APC.H.20.28.001	CTCP THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ AN PHÁT	Dịch vụ	200	30-12-20	30-12-28	Cố định – 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	30-09-22	Lãi	0	Trả bằng tiền	41	159
NVL2020-01-480	CTCP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA	Bất động sản dân cư	480	20-07-20	20-07-25	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 3.9%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPS	20-07-23	Lãi	0	Gia hạn trái phiếu	-	480
NVL2020-01-500	CTCP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA	Bất động sản dân cư	500	20-07-20	20-07-25	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 3.9%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPS	20-07-23	Lãi	0	Gia hạn trái phiếu	-	500
HTQNB2124001	CTCP DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HƯNG THỊNH QUY NHƠN	Bất động sản dân cư	500	03-02-21	22-07-24	Cố định – 3 tháng	10.5%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VDS	30-10-23	Lãi	0	Trả bằng tiền	500	0
HQNCH2124002	CTCP DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HƯNG THỊNH QUY NHƠN	Bất động sản dân cư	500	02-04-21	23-07-24	Cố định – 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VDS	14-12-23	Lãi	0	Trả bằng tiền	500	0
DPJCH2224001	CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI THỊNH PHÁT	Xây dựng	500	29-07-22	29-07-25	Cố định – 1 tháng	12.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	APG	29-01-23	Lãi	0	Gia hạn trái phiếu	-	500
LDGH2123002	CTCP ĐẦU TƯ LDG	Bất động sản dân cư	400	10-12-21	10-12-23	Cố định – 1 tháng	11.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVS	10-12-23	Gốc	0	Thanh lý tài sản	-	186
IMGCH2126001	CTCP ĐẦU TƯ IMG HUẾ	Bất động sản dân cư	200	08-01-21	08-01-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 24T + 3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBB	08-01-24	Gốc	0	Trả bằng tiền	38	63
BBP.H.20.23.001	CTCP BB POWER HOLDINGS	Bất động sản dân cư	400	24-12-20	25-03-25	Cố định – 3 tháng	10.3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	24-12-23	Gốc	0	Gia hạn trái phiếu	-	400
NTDCH2227001	CÔNG TY TNHH NOVA THẢO ĐIỆN	Bất động sản dân cư	2300	05-09-22	05-09-27	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	05-03-23	Lãi	0	Hoán đổi tài sản	213	2,087
492H2025001	CÔNG TY TNHH MTV 492	Xây dựng	60	30-12-20	30-12-25	Cố định – 1 tháng	7.5%	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBB	30-01-22	Lãi	0	Trả bằng tiền	32	23
SRSCH2024001	CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SUNRISE VIỆT NAM	Bất động sản dân cư	500	15-07-20	15-07-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 12% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TPB	15-07-24	Gốc	0	Gia hạn trái phiếu	-	500

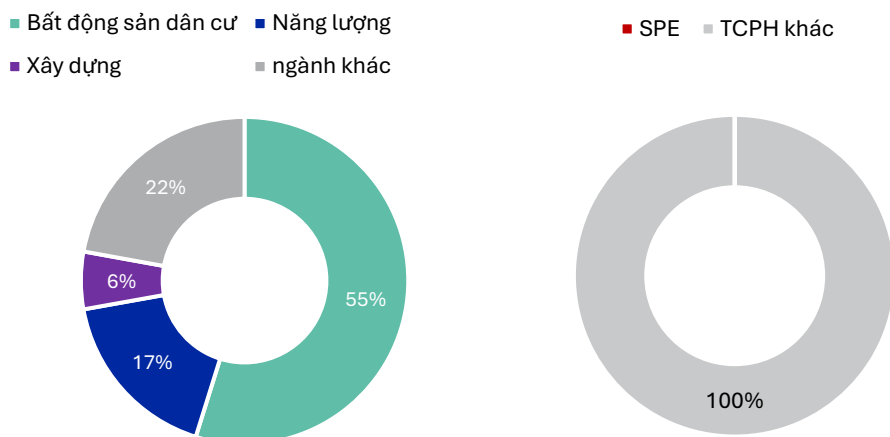
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Trái phiếu có rủi ro cao

Giá trị trái phiếu đáo hạn có rủi ro cao trong tháng 08/2024 cao hơn so với tháng 7/2024 do số trái phiếu đáo hạn tháng 8/2024 cao gấp 3 lần so với tháng 7/2024

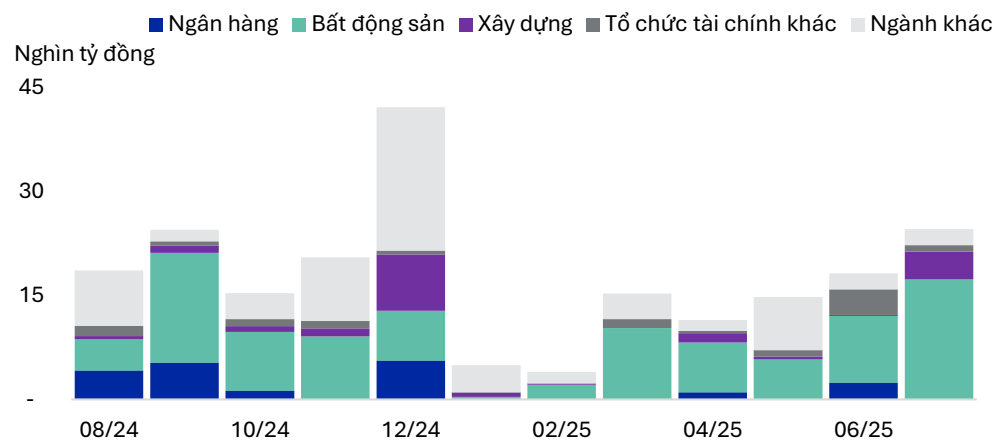
- Trong tháng 8/2024, chúng tôi ước tính khoảng 7.3 nghìn tỷ đồng trong số 18.6 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn, chủ yếu từ các ngành Bất động sản dân cư và Năng lượng. Con số 7.3 nghìn tỷ đồng tăng so với tháng trước là do lượng đáo hạn trong tháng 08/2024 cao gấp 3 lần so với tháng 07/2024.
- Trong số trái phiếu đáo hạn có rủi ro cao của tháng 8/2024, 4.3 nghìn tỷ đồng trái phiếu do các công ty thuộc nhóm ngành Xây dựng và Bất động sản dân cư phát hành, cụ thể là Nova Land, Hưng Thịnh Land và Đại Thịnh Phát là các TCPH đã chậm trả nhiều trái phiếu kể từ năm 2023. Số còn lại được phát hành bởi một công ty thuộc nhóm ngành Dịch vụ. Tính đến ngày báo cáo, công ty này chưa công bố số liệu tài chính năm 2023 theo yêu cầu trên cổng thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Trong 12 tháng tới, khoảng 20% trong tổng giá trị 259 nghìn tỷ đồng sẽ đáo hạn có rủi ro cao bị chậm trả. 90% trong số đó đã từng chậm trả lãi coupon ít nhất một lần và đang có tỷ lệ đòn bẩy rất cao, nguồn tiền mặt thấp và biên EBITDA thấp.

Hình 11: Trái phiếu có rủi ro cao trong tháng 8/2024 theo nhóm ngành và theo loại hình doanh nghiệp



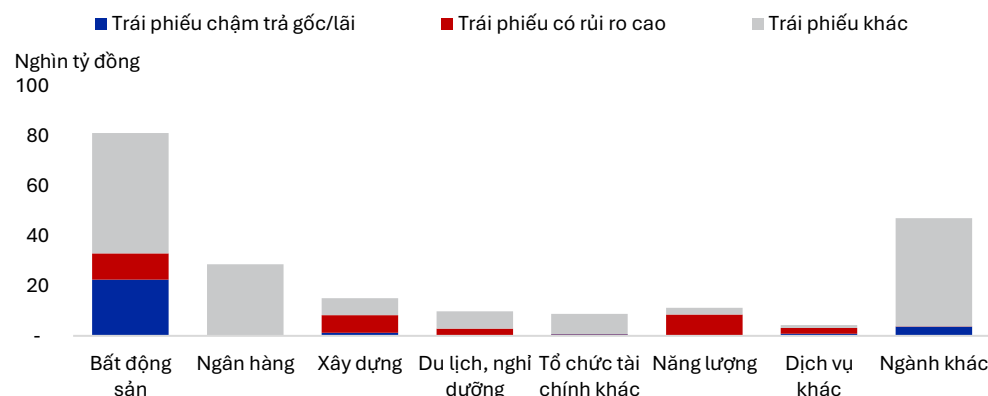
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 10: Lượng trái phiếu đáo hạn hàng tháng theo nhóm ngành



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 12: Lượng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới theo nhóm ngành và trái phiếu có rủi ro cao



Nguồn: Vietnam Investors Service

¹ SPE – Special purpose entities là những doanh nghiệp thành lập với mục đích chỉ để huy động vốn, không có dòng tiền đáng kể từ hoạt động kinh doanh và khả năng trả nợ ở mức rất yếu. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo tại đây [Góc nhìn Thị trường TPDN: Xây dựng kỷ luật chặt chẽ hơn trên thị trường trái phiếu là điều kiện cần thiết để giá trị phát hành mới tăng trưởng bền vững và giảm dần tỉ lệ chậm trả gốc/lãi trong giai đoạn phát triển mới \(27/02/2024\)](#)

* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật tính đến ngày 13 tháng 8 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 8/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	SPE	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
SHRH1924011	Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Bất động sản dân cư	100	04-07-19	01-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	100	-	Không	04-07-24	(275)	546	2.5x	T12-23
SHRH1924012	Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Bất động sản dân cư	100	04-07-19	01-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	100	-	Không	04-07-24	(275)	546	2.5x	T12-23
SHRH1924013	Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Bất động sản dân cư	100	04-07-19	01-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	100	-	Không	04-07-24	(275)	546	2.5x	T12-23
MSBL2326002	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,000	02-08-23	02-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VSD	1,000	12,300	Không	Không	4,644	31,298	7.5x	T12-23
DPJCH2224002	CTCP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	Xây dựng	472	09-08-22	09-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	APG	472	972	Không	09-10-22	10	586	2.3x	T12-23
DVCH2224001	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	44	12-08-22	12-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	44	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T6-24
FNCH2223001	CTCP Fuji Nutri Food	Sản phẩm tiêu dùng	1,000	12-08-22	12-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPS	998	998	SPE	13-05-23	2	643	2.9x	T12-23
F88CH2324001	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	200	14-08-23	14-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	N/a	200	650	Không	Không	(529)	1,430	1.9x	T12-23
BCMBond_20.01	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	15-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.02	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	15-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.03	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	15-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.04	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	15-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.05	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	15-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.06	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	16-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.07	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	16-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.08	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.09	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.10	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23

* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 8/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	SPE	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
BCMBond_20.11	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.12	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.13	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.14	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
BCMBond_20.15	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	100	28-08-20	15-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	NVS	100	10,906	Không	Không	2,280	19,472	1.7x	T12-23
SVAC2124001	CTCP Tập đoàn Sovico	Dịch vụ	50	16-08-21	16-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	KBS	50	17,000	Không	Không	1,406	67,412	1.8x	T12-23
SVAC2124002	CTCP Tập đoàn Sovico	Dịch vụ	300	16-08-21	16-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	300	17,000	Không	Không	1,406	67,412	1.8x	T12-23
SVAC2124003	CTCP Tập đoàn Sovico	Dịch vụ	50	16-08-21	16-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	50	17,000	Không	Không	1,406	67,412	1.8x	T12-23
NVL2020-02-100	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	100	17-08-20	17-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	100	13,777	Không	17-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
NVL2020-02-150	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	150	18-08-20	18-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	150	13,777	Không	18-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
VDSH2324003	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	Tổ chức tài chính khác	783	18-08-23	18-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VDS	545	2,645	Không	Không	330	2,418	1.2x	T12-23
NVL2020-02-250	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	250	20-08-20	20-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	250	13,777	Không	20-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
TCSCH2124011	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	Tổ chức tài chính khác	500	20-08-21	20-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCBS	7	3,124	Không	Không	2,403	23,629	0.8x	T12-23
HDB1924_01	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	5	20-08-19	21-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	5	32,602	Không	Không	13,016	46,400	12.0x	T12-23
NVL2020-02-200	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	200	22-08-20	22-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	200	13,777	Không	22-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
VPFCH2224008	Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	Tổ chức tài chính khác	100	22-08-22	22-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPS	100	100	Không	Không	(2,965)	10,275	5.1x	T12-23
GEGB2124003	CTCP Điện Gia Lai	Xử lý chất thải và quản lý nước	300	23-08-21	23-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TCBS	300	1,447	Không	Không	143	5,767	1.8x	T12-23
AECCH2124002	CTCP Anh ngữ Apax	Dịch vụ	300	24-08-21	24-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	BVSC	300	300	Không	24-11-22	Số liệu tài chính chưa công bố trên HNX			

* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 8/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	SPE	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
NVL2020-03-190	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	190	25-08-20	25-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	190	13,777	Không	25-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
PTJCB2324001	CTCP Phú Thọ Land	Bất động sản dân cư	1,900	25-08-23	25-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TCBS	1,900	1,900	Không	Không	(141)	2,084	2.6x	T12-23
NVL2020-03-140	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	140	26-08-20	26-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	140	13,777	Không	28-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
TNSOLAR1924001	CTCP Điện mặt trời Trung Nam	Năng lượng	945	26-08-19	26-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	945	4,500	Không	Không	278	1,293	2.2x	T12-23
DANHVIET_BOND2 020.II	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	300	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	300	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
DANHVIET_BOND2 020.III	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	150	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	150	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
DANHVIETL202420 2	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	1,500	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	1,500	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
NVL2020-02-350	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	350	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPS	350	13,777	Không	28-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
NVL2020-03-240	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản dân cư	240	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	240	13,777	Không	26-08-23	486	45,302	4.3x	T12-23
HTL-H2023-005	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản dân cư	300	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	300	6,259	Không	28-08-23	(967)	20,143	2.6	T12-23
DANHVIET_BOND2 020.I	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	200	28-08-20	28-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	200	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
DANHVIET_BOND2 020.IV	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	400	29-08-20	29-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	400	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
TRECH2224002	CTCP Năng lượng tái tạo Trung Nam	Năng lượng	500	29-08-22	29-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VND	500	500	Không	Không	280	10,655	2.4x	22-Dec
H39CH2224003	CTCP Hưng Thịnh Investment	Bất động sản dân cư	742	29-08-22	29-08-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	742	904	Không	01-06-23	(348)	2,658	4.2x	T12-23
SSBLH2124001	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	500	30-08-21	30-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	500	6,150	Không	Không	3,677	30,296	7.8x	T12-23
ACBH2224012	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	1,500	30-08-22	30-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	ACBS	1,500	37,850	Không	Không	16,045	70,956	9.1x	T12-23
DANHVIET_BOND2 020.V	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	300	31-08-20	31-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	300	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
DANHVIET_BOND2 020.VI	CTCP Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Du lịch, nghỉ dưỡng	150	31-08-20	31-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDS	150	3,044	Không	Không	1	1,008	3.0x	T06-24
VPBL2124023	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngân hàng	2,130	31-08-21	31-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPS	2,130	4,130	Không	Không	4,102	107,564	5.9x	T06-24
HCVCL2224001	Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	Tổ chức tài chính khác	600	31-08-22	31-08-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	SSI	600	4,100	Không	Không	375	6,753	2.8x	T12-23

* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

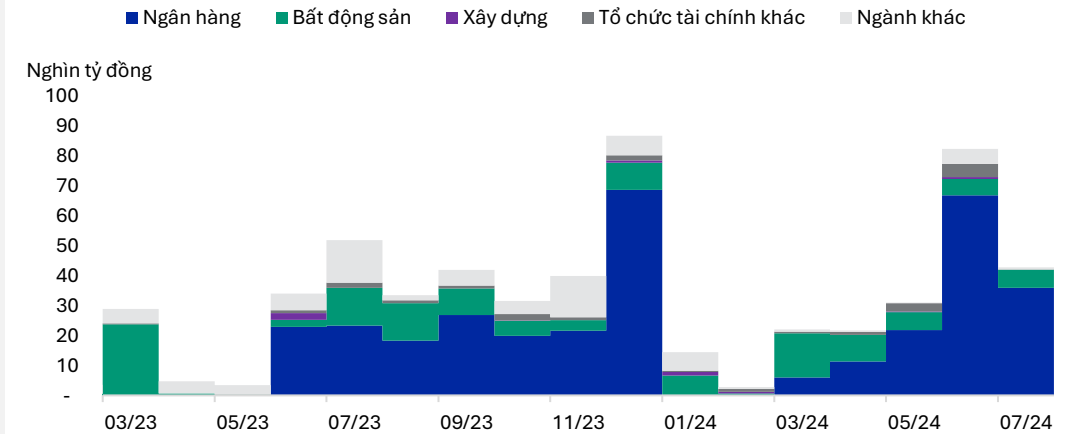
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Phát hành mới

Phát hành mới ở mức 42.8 nghìn tỷ đồng trong tháng 7/2024, thấp hơn tháng 06/2024

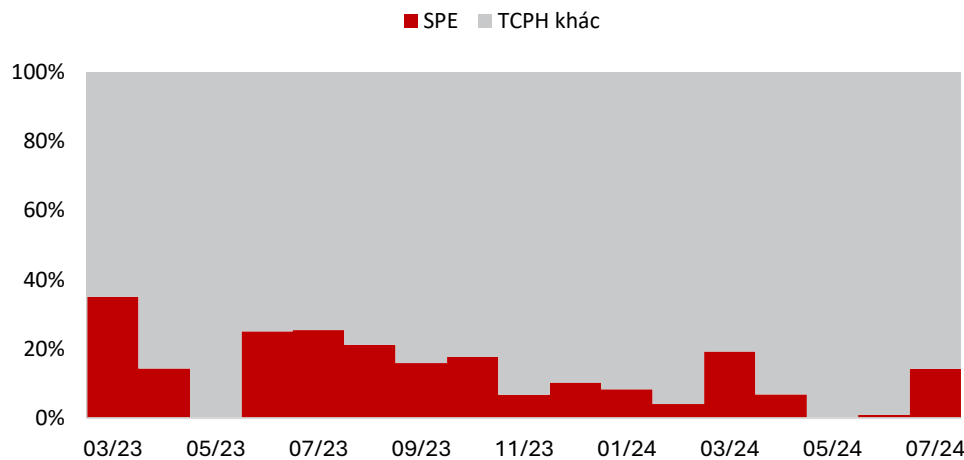
- Trong tháng 7/2024, lượng phát hành trái phiếu mới ở mức 42.8 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với giá trị 82.4 nghìn tỷ đồng vào tháng 6/2024.
- Trong số trái phiếu do nhóm Ngân hàng phát hành trong tháng 7/2024, 55% là trái phiếu nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn bình quân 7.1 năm và lãi suất từ 5.9% đến 7.5% trong năm đầu tiên, thả nổi các năm tiếp theo với mức chênh từ 1.2% đến 2.8% so với tham chiếu. Các trái phiếu nợ ưu tiên khác do các ngân hàng khác phát hành có kỳ hạn 3 năm với lãi suất cố định trong cả kỳ từ 4.6% đến 5.5%.
- Trong nửa đầu năm 2024, lượng phát hành trái phiếu mới lên tới 202.4 nghìn tỷ đồng, trong đó 70% được phát hành bởi khối Ngân hàng.

Hình 14: Trái phiếu phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành



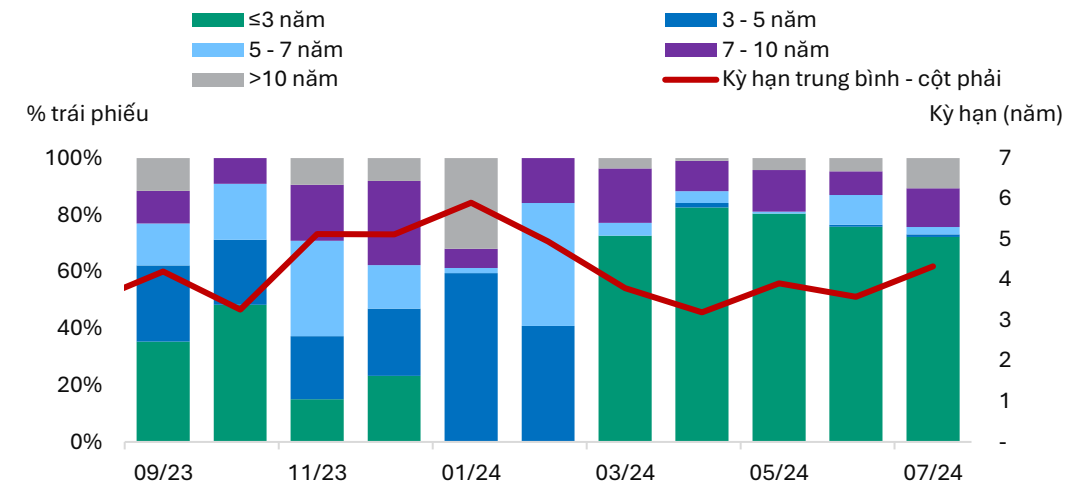
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 15: Phát hành mới hàng tháng theo loại hình doanh nghiệp



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 16: Cấu trúc kỳ hạn của các TPDN phát hành mới



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 7/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	SPE	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)
HDBL2432005	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	02-07-24	02-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	23,200
ACBL2427004	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	400	02-07-24	02-07-27	Cố định - 12 tháng	6.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	27,570
CTGL2434001	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	3,000	05-07-24	05-07-34	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.1% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	15,877
PSIH2426001	CTCP Chứng khoán Dầu khí	Tổ chức tài chính khác	20	05-07-24	05-01-26	Cố định - 6 tháng	8.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	PSI	Riêng lẻ	Không	70
BIDLH2432019	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	1,000	05-07-24	05-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
BIDLH2432019	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	1,000	05-07-24	05-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
SHBL2427001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ngân hàng	2,000	08-07-24	08-07-27	Cố định - 6 tháng	6.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	5,448
OCBL2427005	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	500	09-07-24	09-07-27	Cố định - 12 tháng	5.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	25,150
CTGL2439002	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	1,000	09-07-24	09-07-39	Cố định - 12 tháng	6.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	15,877
BIDLH2431020	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	450	09-07-24	09-07-31	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.8% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
BIDLH2432021	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	50	09-07-24	09-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
CTGL2432003	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	400	11-07-24	11-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	15,877
NABL2430003	Ngân hàng TMCP Nam Á	Ngân hàng	200	12-07-24	12-07-30	Cố định - 6 tháng	7.7%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	3,760
ACBL2427006	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	500	15-07-24	15-07-27	Cố định - 12 tháng	6.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	27,570
SHBL2427002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ngân hàng	1,000	17-07-24	17-07-27	Cố định - 12 tháng	6.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	5,448
CIIB2427001	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Hạ tầng giao thông	300	17-07-24	17-07-27	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 10.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	5,926

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 7/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	SPE	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)
CTGL2439004	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	230	17-07-24	17-07-39	Cố định - 12 tháng	6.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	15,877
BIDLH2432023	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	50	17-07-24	17-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.9% Các kỳ sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
HTPCH2428001	CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát	Bất động sản dân cư	412	17-07-24	17-07-28	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 12.0% Các kỳ sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDS	Riêng lẻ	Không	3,292
MBBH2430001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	395	15-07-24	15-07-30	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.0% Các kỳ sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	MBS	Đại chúng	Không	24,395
DTPCB2427001	CTCP Phát Triển Khu Công Nghệ Thông Tin Đà Nẵng	Bất động sản khu công nghiệp	500	16-07-24	16-01-27	Không trả lãi	-	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	500
BIDLH2431022	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	105	17-07-24	17-07-31	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.8% Các kỳ sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
HTPCH2428001	CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát	Bất động sản dân cư	412	17-07-24	17-07-28	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 12.0% Các kỳ sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDS	Riêng lẻ	Không	3,292
OCBL2427006	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	18-07-24	18-07-27	Cố định - 12 tháng	5.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	25,150
OCBL2427006	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	18-07-24	18-07-27	Cố định - 12 tháng	5.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	25,150
MBBL2427015	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	23-07-24	23-07-27	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	24,395
BIDLH2432024	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	1,500	23-07-24	23-07-32	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 5.9% Các kỳ sau: + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	BID	Riêng lẻ	Không	25,365
CTGL2434005	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	320	24-07-24	24-07-34	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.1% Các kỳ sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	15,877
VIBL2427001	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	24-07-24	24-07-27	Cố định - 12 tháng	5.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	10,500
MBBL2427016	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	24-07-24	24-07-27	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	24,395
ACBL2429007	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	500	24-07-24	24-07-29	Cố định - 12 tháng	6.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	27,570
MBBL2427017	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	25-07-24	25-07-27	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	24,395

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 7/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	SPE	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)
MBBL2427017	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	25-07-24	25-07-27	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	24,395
MBBL2426018	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	25-07-24	25-07-26	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	24,395
HDRCB2427002	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Đăng	Bất động sản dân cư	1,200	12-03-24	26-01-26	Cố định - 6 tháng	10.0%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	8,200
HDBL2432006	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	500	26-07-24	26-07-32	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 0.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	23,200
MBBL2426019	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	26-07-24	26-07-26	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	24,395
HDRCB2426003	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Đăng	Bất động sản dân cư	2,850	26-07-24	26-01-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 9.8% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	8,200
HDBL2427007	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	30-07-24	30-07-27	Cố định - 12 tháng	5.7%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSD	Riêng lẻ	Không	23,200
HDBL2427010	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	3,000	31-07-24	31-07-27	Cố định - 6 tháng	5.7%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	23,200
HDBL2431009	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	200	31-07-24	31-07-31	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	23,200
HDBL2432008	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	500	31-07-24	31-07-32	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSD	Riêng lẻ	Không	23,200

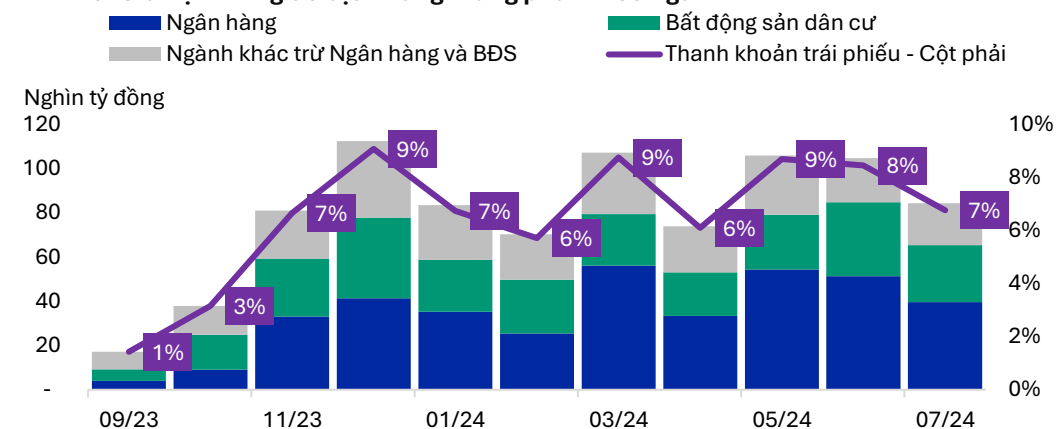
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Thị trường thứ cấp

Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ trong tháng 7/2024

- Thanh khoản trên thị trường thứ cấp được đo bằng tỷ lệ vòng quay TPDN (khối lượng giao dịch / tổng giá trị TPDN lưu hành) giảm từ mức 8% trong tháng 6 xuống 7% trong tháng 7/2024.
- Trong tháng 7/2024 các trái phiếu được giao dịch phổ biến là ngắn hạn, hơn 80% giá trị giao dịch trong tháng là của các trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 1 – 3 năm.
- Lợi suất giao dịch của trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình” trong tháng 7/2024 không thay đổi đáng kể so với tháng trước.

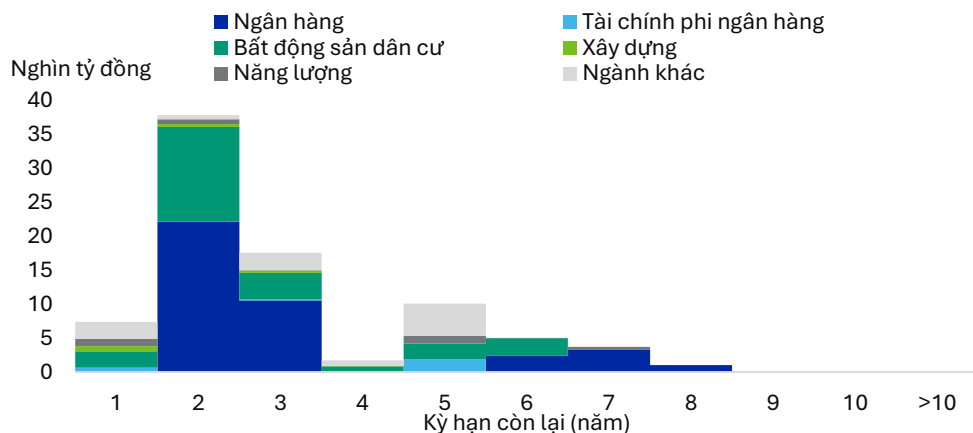
Hình 18: Giá trị TPDN giao dịch hàng tháng phân theo ngành



Ghi chú: Chúng tôi tính toán thanh khoản thị trường dựa trên khối lượng giao dịch trong tháng / tổng giá trị TPDN lưu hành tại tháng đó

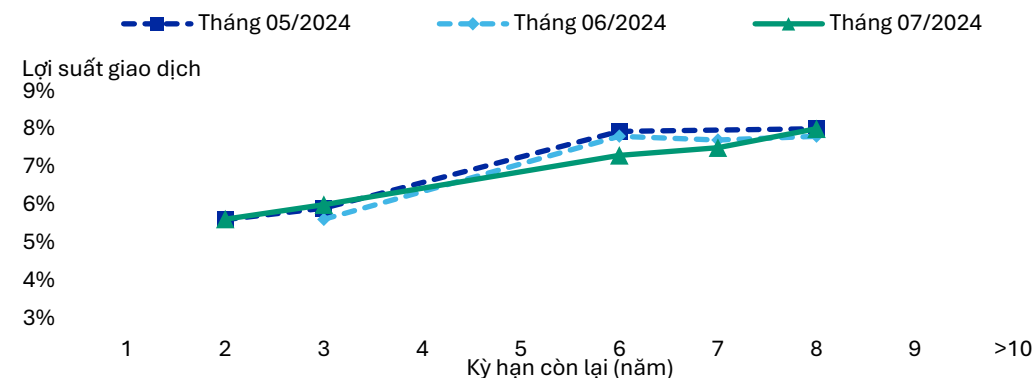
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 19: Giá trị TPDN giao dịch trong tháng 07/2024 phân theo kỳ hạn và ngành



Source: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 20: Lợi suất giao dịch bình quân các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình”¹



Ghi chú: Lợi suất giao dịch trung bình ước tính từ các giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ và trái phiếu phát hành ra công chúng trong tháng, loại trừ dữ liệu từ các giao dịch của trái phiếu chuyển đổi

¹ Tham khảo [Thang điểm xếp hạng tín nhiệm - VIS Rating](#)

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM (“VIS RATING”). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ “CÁC ẮN PHẨM”) CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỲ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KÝ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỲ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM (“CÁC ĐÁNH GIÁ”), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NẾU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIỆN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYẾN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỲ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỲ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CÁN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CÁN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỔ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỔ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TÀI ĐÂY (BAO GỒM CÁ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (“CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING”)) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỲ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỲ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỲ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở “NGUYỄN TRẠNG” mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỲ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề “Công Khai Thông Tin Doanh Nghiệp”.

